TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2022
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

2/- Bà Mai Thị Thu Hà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1993 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã Ngãi T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Đông Bình T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai ngày 20/3/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn D kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 27/6/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau, dù chị cố gắng vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng không thể vun đắp được nữa,

đến khoản tháng 01/2018 thì hai bên ly thân cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: chị và anh D có 01 con chung tên Phan Trọng T sinh ngày 11/4/2014, hiện nay con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Phan Văn D: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án có tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng phía bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự và tuân thủ đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T; Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định, anh Phan Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Huyền T là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Văn D là bị đơn trong vụ kiện đã được triệu tập đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do.Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phan Văn D.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phan Văn D kết hôn với nhau vào năm 2014, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Do vậy, hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét về mối quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh D chung sống hạnh phúc không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị T trình bày là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống hoàn toàn không hợp nhau, dù chị cố gắng vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng không thể vun đắp được nữa, đến khoản tháng 01/2018 thì hai bên ly thân cho đến nay. Đối

với anh Phan Văn D qua 2 lần mời hòa giải tại tòa anh đều vắng mặt, cán bộ Tòa án có đến tận địa phương nhưng vẫn không ghi được lời khai do anh D vắng mặt. Xét thấy, thời gian ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay hai bên không có thiện chí hàn gắn lại quan hệ tình cảm, khả năng hàn gắn là không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung tên Phan Trọng T sinh ngày 11/4/2014, hiện nay cháu T đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu T do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định, tại bản tự khai ngày 20/3/2022 cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó nghĩ nên để cho Chị T được tiếp tục nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, cấp cho đến khi cháu Tuấn đủ 18 tuổi. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Mức cấp dưỡng do hai bên thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, nghĩ nên buộc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật bằng ½ mức lương cơ sở (lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng) theo từng thời điểm thi hành án, cấp cho đến khi cháu Tuấn tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định, anh Phan Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 51, 53, 56, 82, 83, 116, 117, 119 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 35, 147,227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền T.Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Phan Văn D. Giấy chứng nhận đăng

ký kết hôn số 63/2014 ngày 27/6/2014 của Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Tứ, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung**:** Chị Nguyễn Thị Huyền T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Trọng Tuấn sinh ngày 11/4/2014. Anh Phan Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng ½ mức lương cơ sở theo từng thời điểm thi hành án, cấp cho đến khi cháu Tuấn tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/6/2022 do chị Nguyễn Thị Huyền T đại diện nhận. Dành quyền tới lui, thăm nom con chung cho anh Dứt, không ai được cản trở.

3.Về án phí**:** Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003087 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Anh Phan Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Phan Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Kim Hoa